

Bản án số: 30/2020/DS-PT
Ngày: 26-8-2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tiền*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Cường

Các thẩm phán: Ông Ngô Văn Thắng, bà Nguyễn Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Hoàng Phó D**; Địa chỉ: Tổ 1, Khu 4, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L
- Luật sư Công ty Luật T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Văn K**; Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Công C; Địa chỉ: Tổ 9, khu 3, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T (vợ anh D); Địa chỉ: Tổ 1, khu 4, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Vũ Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như quan điểm tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Phó D trình bày:

Anh và anh Vũ Văn K là chỗ bạn bè thân quen từ lâu, ngày 14/02/2015 anh K ra nhà anh vay của vợ chồng anh số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không nhớ lãi suất bao nhiêu, nhưng tính đến hết ngày 26/12/2015 tiền lãi là 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng) cộng tiền nợ lãi cũ 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, không có tài sản thế chấp kèm theo hợp đồng vay nợ, chỉ viết giấy vay tiền, thời hạn trả nợ cả gốc và lãi là ngày 26/12/2015. Nhưng thực tế cho đến nay, anh đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh K vẫn không chịu trả cả tiền gốc và tiền lãi cho anh. Khi giao nhận tiền, anh K là người trực tiếp nhận tiền, có anh C là người chứng kiến và anh K nhờ anh C viết giấy vay tiền hộ anh K, anh K có ký vào giấy vay tiền là người vay. Đến nay, anh yêu cầu anh Vũ Văn K phải hoàn trả cho anh toàn bộ số tiền đã vay là 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng) bao gồm cả nợ gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng) tiền lãi tính từ ngày 14/02/2015 đến ngày 26/12/2015 và tiền nợ lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 14/02/2015.

Đơn đề ngày 05/5/2020 và tại phiên tòa anh Hoàng Phó D xin rút yêu cầu trả số tiền lãi là 94.000.000đ, chỉ yêu cầu trả gốc là 140 triệu đồng.

Theo bản tự khai tại buổi hòa giải ngày 16/10/2019 tại Tòa án bị đơn anh Vũ Văn K trình bày:

Anh (K) và anh D là chỗ quen biết lâu năm, anh không phải là người trực tiếp vay tiền của vợ chồng anh D. Mà bản thân có quen anh Nguyễn Công C khi anh C thiếu vốn làm ăn nên có hỏi anh xem có ai cho vay tiền, anh đã cho số điện thoại và địa chỉ nhà của anh D để anh C đến vay tiền, còn việc vay nợ như thế nào, trả lãi ra sao thì chỉ có anh D và anh C biết. Đối với giấy vay tiền là do anh C viết, còn anh là người trực tiếp ký vào giấy vay tiền ngày 14/02/2015 với tư cách bên người vay tiền. Việc anh D có đơn khởi kiện yêu cầu anh thanh toán tổng số tiền gốc và lãi 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng) anh không đồng ý, với lý do anh C là người trực tiếp nhận tiền của anh D, anh chỉ là người làm chứng trong việc vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2019 và tại phiên tòa anh Nguyễn Công C trình bày:

Năm 2014, anh cần vốn để làm ăn nhưng không có tiền nên đã nhờ anh K hỏi chỗ vay hộ. Anh K giới thiệu nên biết anh D, được anh D cho vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, anh vẫn trả lãi đầy đủ. Sau đó do cần vốn nên anh vay thêm anh D 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và anh viết giấy nhận nợ tổng số tiền là 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng).

Do vay số tiền lớn nên anh D yêu cầu anh K phải có mặt để làm chứng về việc vay tiền. Anh là người trực tiếp nhận tiền từ anh D, hàng tháng anh vẫn trả lãi đầy đủ và ký nhận vào quyển sổ, quyển sổ này do anh D giữ. Giấy vay tiền và nội dung trong giấy vay tiền do anh trực tiếp viết, anh K là người ký bên người vay. Sau đó do làm ăn thua lỗ không thể trả gốc được anh đã nhờ người nhà lên nhà anh D nói chuyện xin được trả dần gốc và lãi nhưng anh D không đồng ý. Việc anh D yêu cầu anh K thanh toán số tiền 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng) theo quan điểm của anh thì bản thân anh là người vay tiền, trực tiếp nhận tiền của anh D thì anh có trách nhiệm trả cho anh D. Anh K chỉ là người đứng ra làm chứng việc anh vay tiền của anh D. Nhưng hiện nay do làm ăn khó khăn nên anh không trả anh D ngay toàn bộ số tiền đã vay được, anh xin trả dần hàng tháng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

Buộc bị đơn anh Vũ Văn K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Hoàng Phó D và chị Nguyễn Thị T số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bị đơn anh Vũ Văn K phải trả số tiền lãi 94.000.000đ (Chín mươi tư triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/6/2020, anh Vũ Văn K làm đơn kháng cáo với nội dung: án sơ thẩm buộc anh phải trả 140 triệu đồng cho anh D là không đúng, vì anh chỉ là người chứng kiến. Anh C cũng đã thừa nhận toàn bộ sự việc như trên, hơn nữa anh D có dấu hiệu của việc cho vay nặng lãi, nên đề nghị Tòa án tỉnh xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh K giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: Tòa án B không xem xét khách quan, bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm Bộ luật tố tụng dân sự, xác định sai quan hệ pháp luật, anh C là người vay thì anh C phải là người trả, thời hiệu khởi kiện đã hết, anh ký vào giấy vay nợ trong tình trạng say rượu.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của anh K thấy:

Tại Giấy vay tiền không ghi ngày tháng năm do anh D nộp cho Tòa án thì có nội dung: “Tên em là Nguyễn Công C. SĐT: 0962.299.118. Địa chỉ tổ 9, khu 3, phường T, B, em có nhờ anh K ở T, M vay anh chị D là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu). Tổng số tiền tính từ ngày 14/02/2015. Tiền lãi từ ngày 14/02/2015 đến ngày 26/12/2015 là 84.000.000đ (Tám tư triệu đồng chẵn) cộng với số tiền nợ lãi 10.000.000đ (Mười triệu chẵn). Tổng số tiền là 94.000.000đ (Chín mươi bốn

triệu đồng chẵn). Cộng tổng tiền lãi và gốc bằng số tiền 234.000.000đ (Hai trăm ba mươi tư triệu đồng chẵn). Bên dưới chữ người vay có chữ ký “K”, bên cạnh có chữ ký và chữ viết Nguyễn Công C. Quá trình giải quyết vụ án, anh K thừa nhận ký vào bên dưới chữ người vay trong giấy vay tiền, nhưng chỉ ký với tư cách làm chứng cho anh C vay số tiền trên của vợ chồng anh D. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K cho rằng khi anh ký vào văn bản này trong tình trạng say rượu, nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh bị say rượu nên không được chấp nhận. Tòa án không đưa vợ anh K tham gia vụ án là đúng vì theo anh K khai vợ anh không biết gì về việc vay nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C thừa nhận anh có nhờ anh K vay tiền hộ cho anh, và anh C là người nhận tiền từ anh D. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C cho rằng anh là người vay tiền, trực tiếp nhận tiền từ anh D, hàng tháng trả lãi cho anh D. Tuy nhiên anh C không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh là người vay tiền của anh D, nhận tiền, trả lãi nên không được chấp nhận.

Điều đó chứng tỏ rằng anh K là người vay tiền hộ anh C, chứ không phải anh C là người trực tiếp vay tiền từ anh D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K phải trả nợ anh D là có căn cứ, nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí thì anh K phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Vũ Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Phó D.

Buộc anh Vũ Văn K phải trả nợ cho vợ chồng anh Hoàng Phó D và chị Nguyễn Thị T số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 30/5/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bị đơn anh Vũ Văn K phải trả số tiền lãi 94.000.000đ (Chín mươi tư triệu đồng).

3. Về án phí:

Bị đơn anh Vũ Văn K phải chịu 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Hoàng Phó D 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000991 ngày 19/8/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

Anh Vũ Văn K phải nộp 300.000đ án phí phúc thẩm, số tiền này được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh K nộp ngày 15/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (biên lai số 3405).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND, THA tp. B;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quang Cường